

PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN



KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Tuần 4

Giáo viên: Vũ Thị Diệu Huyền

Lớp : 1A1

Năm học: 2022-2023

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Tiếng Việt - Phân môn: Học vần
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1+2 / Tổng số tiết: 2

Tên bài học: Bài 16: gh

Thời gian thực hiện: Thứ hai ngày 26 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được:

- Nhận biết âm và chữ gh; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có gh.
- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có g, gh.
- Nắm được quy tắc chính tả: **gh + e, ê, i / g + a, o, ô, ơ,...**

2. HS vận dụng được:

- Đọc đúng bài Tập đọc *Ghế*.
- Viết đúng các chữ gh, tiếng *ghế gỗ*; chữ số: 6, 7 (trên bảng con).

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc nhóm.
- Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng các chữ, trình bày bài tập viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: máy projector, máy tính, SGK, hộp Tiếng Việt, tranh, chữ mẫu.
2. Học sinh: SGK, hộp Tiếng Việt, bảng con, vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
	Tiết 1			
5'	A. Hoạt động mở đầu MT: Kiểm tra bài đã học	- GV gọi HS đọc bài Tập đọc: Bể cá - Nhận xét	- 3,4 HS đọc cá nhân	Máy tính
5'	B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. Giới thiệu bài:	- GV ghi bảng chữ gh GV lưu ý: Ở đây, âm gờ được ghi bằng chữ gờ kép .	- HS đọc cá nhân + đồng thanh : gh	Máy chiếu
10'	2. Chia sẻ và khám phá. (BT 1: Làm quen) MT: HS nắm được cấu tạo và đọc được gh 2.1. Âm gh và chữ gh	- GV chỉ hình <i>ghế gỗ</i> , hỏi: Đây là cái gì? -GV: Trong từ ghế gỗ , tiếng nào có chữ gờ kép ? - GV chỉ: ghế . Phân tích: Tiếng ghế có âm gờ đứng trước, âm ê đứng sau, dấu sắc đặt trên ê . Âm gờ viết bằng chữ gờ kép . - Yêu cầu HS nhìn mô hình, đánh vần và đọc tiếng: gờ - ê	- (<i>Ghế gỗ</i>). - (<i>Tiếng ghế</i>). -HS nhắc lại. - HS đọc cá nhân+ĐT: gờ - ê - ghế - sắc - ghế	Máy tính máy chiếu

		<p>- ghê - sắc - ghề / ghé; // gờ - ô - gô - ngã - gồ / gõ. *Chốt: Chữ vừa học là chữ gì ? Tiếng vừa học là tiếng gì? - Cho HS ghép cài chữ gh, ghé mới học. -Nhận xét 2, 3 bảng</p>	<p>/ ghé; // gờ - ô - gô - ngã - gồ / gõ. - Chữ gh, tiếng ghé - Cả lớp ghép bảng gài chữ gh, ghé</p>	Bộ đồ dùng
	<p>C. Hoạt động luyện tập, thực hành 3. Luyện tập MT: Mở rộng vốn từ cho HS. 3.1.(BT 2: Tiếng nào có chữ g? Tiếng nào có chữ gh?)</p>	<p>- GV nêu yêu cầu BT2 - GV chỉ các hình, gọi HS nêu - GV giải nghĩa từ: <i>gà gô</i> (loại chim rừng, cùng họ gà nhưng nhỏ hơn, đuôi ngắn, sống ở đồi cỏ gần rừng); <i>ghẹ</i> (gần giống cua biển, mai màu sáng, có vân hoa, càng dài). -GV chỉ từng chữ, cả lớp nói: Tiếng gà có “g đơn”... Tiếng ghi có “gh kép”... - Yêu cầu HS nói tiếng ngoài bài có âm g ,có âm gh</p>	<p>-HS đọc cá nhân+ĐT: gà gô, ghi, gồ,... - Cả lớp làm bài trong VBT - Báo cáo kết quả: HS 1 nói các tiếng có g (gờ đơn): <i>gà gô, gồ, gõ, gờ cá.</i> HS 2 nói các tiếng có gh (gờ kép): <i>ghi, ghẹ.</i></p>	Máy tính máy chiếu
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	<p>- GV bật nhạc bài hát: Quả gì ?</p>	<p>- HS hát múa theo nhạc.</p>	
	<p>3.2. Quy tắc chính tả MT:Giúp HS nắm được quy tắc chính tả. (BT 3: Ghi nhớ)</p>	<p>- GV giới thiệu quy tắc chính tả g / gh. Giải thích: Cả 2 chữ g (gờ đơn) và gh (gờ kép) đều ghi âm gờ. Bảng này cho các em biết khi nào âm gờ viết là gờ đơn (g); khi nào âm gờ viết là gờ kép (gh). - GV chỉ sơ đồ 1: Khi đứng trước các chữ e, ê, i, âm gờ viết là gh kép. -GV chỉ sơ đồ 2: Khi đứng trước các chữ khác (a, o, ô, ơ,...), âm gờ viết là g đơn. - Cho cả lớp nhắc lại quy tắc chính tả: gh + e, ê, i / g + a,</p>	<p>- HS đọc (cá nhân+ĐT): gờ - e - ghe - nặng - ghe / gờ - ê - ghé - sắc - ghề / gờ - i - ghi. - HS đọc (cá nhân+ĐT): gờ - a - ga - huyền - gà / gờ - o - go - ngã - gồ / gờ - ô - gô ngã - gồ / gờ - ơ - gơ - ngã - gõ,...</p>	Máy chiếu
		<p>- Cho cả lớp nhìn sơ đồ,</p>		

		o, ô, ơ,...	nhắc lại quy tắc trên: gh + e, ê, i / g + a, o, ô, ơ,...	
	4. Tập đọc (BT 4) MT: Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc: <i>Ghế</i>	- GV giới thiệu bài tập đọc : Ghế + Bài đọc có Hà, ba Hà, bà Hà và bé Lê (em trai Hà). Mỗi người trong nhà Hà ngồi một loại ghế khác nhau. - GV đọc mẫu và giới thiệu các loại ghế: <i>ghế gỗ</i> (của Hà), <i>ghế da</i> (của ba Hà), <i>ghế đá</i> (ở bờ hồ).		
	Tiết 2			
	-Luyện đọc từ ngữ.	GV gạch chân: ghế gỗ, ghế da, ghế đá, bờ hồ.	- Luyện đọc các từ ngữ: ghế gỗ, ghế da, ghế đá, bờ hồ.	Máy tính
	-Luyện đọc câu.	- GV: Bài có 4 tranh và 4 câu bên tranh. - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm -Yêu cầu HS đọc thành tiếng	- Cả lớp đọc thầm từng câu - HS đọc thành tiếng các câu (cá nhân+ĐT)	Máy chiếu
	- Đọc nối tiếp câu	- Yêu cầu luyện đọc nối tiếp từng câu. -Gv theo dõi phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS, nhắc HS nghỉ hơi sau dấu chấm, dấu hai chấm dài hơn sau dấu phẩy. - GV chỉ vài câu (TT đảo lộn), kiểm tra một vài HS đọc.	-Luyện đọc nối tiếp câu.	
	- Thi đọc cả bài	- GV yêu cầu (Làm việc nhóm đôi) -Thi đọc nối tiếp đoạn. - Thi đọc cả bài - GV nhận xét	- Từng cặp HS cùng luyện đọc bài trong SGK. -Thi đọc nối tiếp 2 đoạn (mỗi HS đọc lời dưới 2 tranh). - 2, 3 cặp lên thi đọc cả bài - HS đọc cả bài (cá nhân +ĐT)	
	Tìm hiểu bài đọc	- Hướng dẫn HS đọc cả bài Gợi ý các câu hỏi:	- HS đọc cá nhân+ĐT cả bài	Máy chiếu

		<p>+ Hà có ghé gì? +Ba Hà có ghé gì? +Bờ hồ có ghé gì? +Bà bé bé Lê ngồi ghé nào?</p> <p>* Cả lớp nhìn SGK, đọc lại bài 16.</p>	<p>-(Hà có ghé gò). -(Ba Hà có ghé da). -(Bờ hồ có ghé đá). -(Bà bé bé Lê ngồi ở ghé đá). - HS đọc cá nhân+ĐT</p>	
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	- GV bật nhạc bài hát: Quả gì?	- HS hát múa theo nhạc.	
	<p>5. Tập viết (bảng con - BT 4) MT: HS viết đúng chữ gh, ghé gõ. Số 6, 7.</p>	<p>- Đưa chữ mẫu: gh, ghé gõ; 6, 7.</p> <p>-GV vừa viết chữ mẫu vừa hướng dẫn quy trình +Chữ gh: là chữ ghép từ hai chữ cái g và h. Viết chữ g trước (1 nét cong kín, 1 nét khuyết ngược), chữ h sau (1 nét khuyết xuôi, 1 nét móc hai đầu). +Tiếng ghê: viết gh trước, ê sau, dấu sắc đặt trên ê, chú ý nối nét giữa gh và ê. +Tiếng gõ: viết chữ g trước, chữ ô sau, dấu ngã đặt trên ô. +Số 6: cao 4 li. Là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trái và cong kín. +Số 7: cao 4 li. Gồm 3 nét: nét 1 thẳng ngang, nét 2 thẳng xiên, nét 3 thẳng ngang (ngắn) cắt giữa nét thẳng xiên. -Nhận xét 2, 3 bảng</p>	<p>- HS đọc cá nhân+ĐT: gh, ghé gõ; 6, 7</p> <p>- HS viết bảng con: gh</p> <p>-HSviết bảng con: ghê gõ</p> <p>-HSviết bảng con: số 6, 7</p>	Máy chiếu Bảng con
	D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm	<p>- GV nhận xét tiết học. - Nhắc HS ghi nhớ quy tắc chính tả g / gh. - Dẫn về nhà đọc lại bài Tập đọc: Ghé. Luyện viết chữ: gh, ghé gõ trên bảng con. - Xem trước bài 17 (gi, k).</p>		Máy chiếu

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....
.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Đạo đức
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 2 / Tổng số tiết: 2

Tên bài học: Gọn gàng, ngăn nắp

Thời gian thực hiện: Thứ hai ngày 26 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

Biết phân biệt được hành vi gọn gàng, ngăn nắp và chưa gọn gàng, ngăn nắp.

2. HS vận dụng được:

Biết sắp xếp góc học tập, bàn học, nơi ở của mình gọn gàng, ngăn nắp.

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Có thái độ tích cực, hứng thú trong học tập.
- Biết phối hợp với bạn làm việc theo nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Máy projector, máy tính, SGK.

2. Học sinh: SGK 1. BT

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	
5'	A. Hoạt động mở đầu	<ul style="list-style-type: none">- GV giao nhiệm vụ cho HS: Quan sát các tranh và tìm những biểu hiện gọn gàng, ngăn nắp?- GV giới thiệu bài học mới.	<ul style="list-style-type: none">- HS thực hiện.	Máy tính
	B. Hoạt động hình thành kiến thức Hoạt động 1: Nhận xét hành vi Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none">- HS biết phân biệt hành vi gọn gàng, ngăn nắp và chưa gọn gàng, ngăn nắp trong học tập	<ul style="list-style-type: none">- GV giao nhiệm vụ cho HS: Quan sát tranh và nhận xét hành vi theo những câu hỏi sau:<ul style="list-style-type: none">1) Bạn nào sống gọn gàng, ngăn nắp?2) Bạn nào chưa gọn gàng, ngăn nắp? Vì sao?3) Nếu em là bạn trong	<ul style="list-style-type: none">- HS thảo luận theo nhóm.	Tranh Máy chiếu

	<p>và sinh hoạt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS được phát triển năng lực tư duy phê phán. 	<p>tranh, em sẽ làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu nội dung các bức tranh - GV kết luận theo từng tranh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số nhóm trình bày kết quả thảo luận. 	
	<p>C. Hoạt động luyện tập, thực hành</p> <p>Hướng dẫn dọn phòng</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết cách sắp xếp đồ dùng gọn gàng, ngăn nắp. - HS được phát triển năng lực hợp tác với bạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm: Quan sát tranh và tìm cách sắp xếp đồ dùng cho gọn gàng, hợp lí. - GV có thể hỏi gợi ý: <ol style="list-style-type: none"> 1. Quần áo sạch nên xếp ở đâu? 2. Quần áo bẩn nên để ở đâu? 3. Giày dép nên để ở đâu? 4. Đồ chơi nên xếp ở đâu? 5. Sách vở nên xếp ở đâu? GV mời HS chia sẻ cảm xúc sau khi sắp xếp căn phòng gọn gàng, ngăn nắp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các nhóm HS cùng nhau thảo luận và sắp xếp lại căn phòng. - Một số nhóm trình bày cách sắp xếp căn phòng. Các nhóm khác nhận xét kết quả sắp xếp căn phòng. 	Máy chiếu
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	- GV cho HS hát - múa	- HS hát múa theo nhạc.	
	<p>Hoạt động 3: Tự liên hệ</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết đánh giá việc thực hiện các hành vi gọn gàng, ngăn nắp của bản thân và có ý thức điều chỉnh hành vi 	<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ cho HS chia sẻ trong nhóm đôi theo gợi ý sau: <ol style="list-style-type: none"> 1) Bạn đã làm được những việc gì để nơi ở gọn gàng, ngăn nắp? Bạn đã làm được những việc gì để nơi học gọn gàng, ngăn 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc 	Máy chiếu

	<p>sống gọn gàng, ngăn nắp.</p> <p>- HS được phát triển năng lực tư duy phê phán.</p>	<p>nắp?</p> <p>2) Bạn cảm thấy như thế nào khi sắp xếp nơi ở, nơi học gọn gàng, ngăn nắp?</p> <p>- GV khen những HS đã luôn gọn gàng, ngăn nắp trong học tập, sinh hoạt và nhắc nhở cả lớp cùng thực hiện.</p> <p>Tổng kết bài học</p> <p>- HS trả lời câu hỏi: Em rút ra được điều gì sau bài học này?</p> <p>- GV kết luận: <i>Em cần gọn gàng, ngăn nắp ở chỗ học, chỗ chơi.</i></p> <p>- GV hướng dẫn cách sử dụng “Giỏ việc tốt” để theo dõi việc thực hiện gọn gàng, ngăn nắp.</p> <p>- GV cùng HS đọc lời khuyên trong SGK <i>Đạo đức 1</i>, trang 12.</p>	<p>theo nhóm đôi.</p> <p>- Một số nhóm HS chia sẻ trước lớp.</p>	
5'	<p>D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm</p>	<p>- GV đánh giá sự tham gia học tập của HS trong giờ học, tuyên dương những HS học tập tích cực và hiệu quả.</p> <p>- Dẫn dò chuẩn bị bài sau: Học tập, sinh hoạt đúng giờ.</p>	<p>- Lắng nghe</p>	<p>Máy chiếu</p>

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....
.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Tiếng Việt - Phân môn: Học vần
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1+2 / Tổng số tiết: 2

Tên bài học: Bài 17 : gi – k

Thời gian thực hiện: Thứ ba ngày 27 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Nhận biết âm và chữ cái **gi, k**; đánh vần, đọc đúng tiếng có mô hình âm đầu **gi / k** + âm chính.
- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm **gi (gi)**, âm **k (cờ)**.

2. HS vận dụng được:

- Nắm được quy tắc chính tả: **k + e, ê, i / c + a, o, ô, ơ,...**
- Đọc đúng bài Tập đọc *Bé kể*.
- Biết viết các chữ **gi, k** và các tiếng **giá (đỗ), kì (đà)** (trên bảng con).

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc nhóm.
- Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng các chữ, trình bày bài tập viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: máy projector, máy tính, SGK, hộp Tiếng Việt, tranh, chữ mẫu.
2. Học sinh: SGK, hộp Tiếng Việt, bảng con, vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
	Tiết 1			
5'	A. Hoạt động mở đầu MT: Kiểm tra bài đã học	- GV gọi HS đọc bài Tập đọc: Ghé - GV đọc các chữ: gh, ghé gõ; 6, 7 - Nhận xét	- 3,4 HS đọc cá nhân - Cả lớp viết bảng con	Máy tính
5'	B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. Giới thiệu bài:	- GV ghi bảng chữ: gi, k (chữ gi), (phát âm giống di). (chữ k), nói: k (ca). Đây là âm cờ , được viết bằng chữ ca . Để khỏi lẫn với âm cờ viết bằng chữ c (cờ), ta đánh vần theo tên chữ cái là ca . - GV giới thiệu chữ K in hoa.	- HS đọc cá nhân + đồng thanh : gi, k	Máy tính, máy chiếu
10'	2. Chia sẻ và khám	- GV đưa hình ảnh và từ giá	-(Giá đỗ).	

	<p>phá. (BT 1: Làm quen) MT: HS nắm được cấu tạo và đọc được gh 2.1. Âm gi và chữ gi</p>	<p>đỗ, hỏi: Đây là gì? Giải thích: Giá đỗ là một loại rau làm từ hạt đỗ nảy mầm. - GV: Trong từ giá đỗ, tiếng nào có âm gi? - GV chỉ từ giá.</p> <p>-Phân tích tiếng giá</p>	<p>-(Tiếng giá).</p> <p>- HS nhận biết: gi, a, dấu sắc; đọc cá nhân+ĐT: giá. -(cá nhân +ĐT): gi - a - gia - sắc - giá / giá đỗ.</p>	
	<p>2.2. Âm k, chữ k:</p>	<p>- GV GT hình ảnh kì đà Giải thích: là một loài thằn lằn cỡ to, sống ở nước, da có vảy, ăn cá - Đưa từ: kì đà.</p> <p>- Phân tích tiếng kì: có âm k (ca), âm i và dấu huyền đứng trên i. / Đánh vần, đọc tron: ca - i - ki - huyền - kì / kì đà. *Chốt: Chữ vừa học là chữ gì ? - Âm và tiếng vừa học là gì? - Cho HS ghép cài chữ giá, kì mới học. -Nhận xét 2, 3 bảng</p>	<p>- HS nhận biết: Tiếng kì có âm k (ca).</p> <p>- Đánh vần, đọc tron (Cá nhân+ĐT): ca - i - ki - huyền - kì / kì đà.</p> <p>- Cả lớp ghép bảng gài chữ: giá, kì</p>	<p>Bộ đồ dùng</p>
	<p>3. Luyện tập MT: Mở rộng vốn từ cho HS. 3.1.(BT 2: Tiếng nào có chữ gi? Tiếng nào có chữ k?)</p>	<p>- GV nêu yêu cầu BT2 -GV chỉ từng từ, cả lớp đọc: kể, giẻ, kẻ, giò... - GV giải nghĩa từ: <i>Bờ kè</i> (.....), từ <i>giỏ cá</i> (.....)</p> <p>- GV chỉ từng từ : Tiếng kể có k. Tiếng giẻ có gi, tiếng kẻ có âm k... - Yêu cầu HS nói thêm tiếng có gi có k.</p>	<p>-HS đọc cá nhân+ĐT: kể, giẻ, kẻ, giò... - HS trao đổi nhóm đôi: tìm tiếng có gi, có k; làm bài trong VBT; báo cáo. -HS đọc đồng thanh</p>	<p>Máy chiếu</p>
3'	<p><i>Nghỉ giữa giờ</i></p>	<p>- GV bật nhạc bài hát: Bắc kim thang</p>	<p>- HS hát múa theo nhạc.</p>	
	<p>3.2. Quy tắc chính tả MT:Giúp HS nắm được quy tắc chính tả.</p>	<p>-GV giới thiệu quy tắc chính tả c / k: Cả 2 chữ c (cờ) và k (<i>ca</i>) đều ghi âm cờ. Bảng này cho các em biết</p>		<p>Máy chiếu</p>

(BT 3: Ghi nhớ	<p>khi nào âm cờ viết là c; khi nào âm cờ viết là k.</p> <p>-GV chỉ sơ đồ 1: Khi đứng trước e, ê, i, âm cờ viết là k.</p> <p>huyền - kì.</p> <p>GV chỉ sơ đồ 2: Khi đứng trước các chữ khác (a, o, ô, ơ,...), âm cờ viết</p> <p>-Cho HS nhìn sơ đồ nhắc lại quy tắc chính tả: k + e, ê, i / c + a, o, ô, ơ, ..</p>	<p>-HS đọc (cá nhân+ĐT); nhân, cả lớp): ca - e - ke ca - e - ke - hỏi - kể / ca - ê - kê - hỏi - kể / ca - i - ki - huyền - kì.</p> <p>-HS đọc (cá nhân+ĐT); cờ - a - ca - sắc - cá / cờ - o - co - hỏi - cở / cờ</p> <p>- ô - cô / cờ - ơ - cơ - huyền - - ô - cô / cờ - ơ - cơ - huyền - cờ...</p> <p>nhắc lại quy tắc chính tả (cá nhân+ĐT): k + e, ê, i / c + a, o, ô, ơ, ..</p>	
4.Tập đọc (BT 4) MT: Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc: <i>Bé kể</i>	<p>- GV chỉ hình ảnh mâm cỗ trong bữa giỗ; hỏi: Mâm cỗ có những món ăn gì?</p> <p>- GV: Các em cùng đọc bài xem bé Lê kể gì về mâm cỗ.</p> <p>- GV đọc mẫu.</p>	<p>-(Mâm cỗ có giò, xôi, gà, giá đỗ, nem, canh, món xào).</p>	Máy chiếu
Tiết 2			
-Luyện đọc từ ngữ.	GV gạch chân: bi bô, bé kể, giã giò, giá đỗ.	- Luyện đọc các từ ngữ: bi bô, bé kể, giã giò, giá đỗ.	Máy chiếu
-Luyện đọc câu.	<p>- Bài có 6 câu (GV đánh số TT từng câu trên bảng).</p> <p>- GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thầm</p> <p>-Yêu cầu HS đọc thành tiếng:</p> <p>-Chỉ liên 2 câu (<i>Đó là bé kể: Dì Kể giã giò.</i>), liên 2 câu (<i>Bé bi bô: “Dì... giò... ”</i>).</p>	<p>- Cả lớp đọc thầm từng câu</p> <p>- HS đọc thành tiếng các câu (cá nhân+ĐT)</p>	
- Đọc nối tiếp câu	<p>- Yêu cầu luyện đọc nối tiếp từng câu.</p> <p>-Đọc tiếp nối từng câu (đọc</p>	-Luyện đọc nối tiếp câu.	

		liền 2-3 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp). -Gv theo dõi phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS, nhắc HS nghỉ hơi sau dấu chấm, dấu hai chấm dài hơn sau dấu phẩy. - GV chỉ vài câu (TT đảo lộn), kiểm tra một vài HS đọc.	-(cá nhân, từng cặp).	
	- Thi đọc đoạn, bài	- GV yêu cầu (Làm việc nhóm đôi) - GV chia bài làm 2 đoạn đọc: 3 câu / 3 câu). - Thi đọc nối tiếp đoạn. - Thi đọc cả bài - GV nhận xét * Cả lớp nhìn SGK, đọc lại bài 17.	- Từng cặp HS cùng luyện đọc đoạn. - 2, 3 cặp lên thi đọc đoạn. - 2, 3 cặp lên thi đọc cả bài - HS đọc ĐT cả bài - HS đọc cá nhân+ĐT	
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	- GV bật nhạc bài hát: bắc kim thang	- HS hát múa theo nhạc.	
	5. Tập viết (bảng con - BT 5) MT: HS viết đúng chữ gi, k, giá đỗ, kì đà.	- Đưa chữ mẫu: gi, k, giá đỗ, kì đà. - GV vừa viết chữ mẫu vừa hướng dẫn quy trình: + Chữ gi : là chữ ghép từ hai chữ g và i . Viết g trước, i sau. +Tiếng giá (đỗ): viết gi trước, a sau, dấu sắc đặt trên a . +Chữ k : cao 5 li; gồm 1 nét khuyết xuôi, 1 nét cong trên, 1 nét thắt và 1 nét móc ngược. +Tiếng kì (đà): viết k trước, i sau, dấu huyền đặt trên i . -Nhận xét 2, 3 bảng	- HS đọc cá nhân+ĐT: gi, k, giá đỗ, kì đà. - HS viết bảng con: gi, giá đỗ -HSviết bảng con: k, kì đà.	Máy chiếu Bảng con
	D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm	- GV nhận xét tiết học. - Dẫn về nhà đọc lại bài Tập đọc: Bé kể . Luyện viết chữ: gi, giá đỗ; k, kì đà trên bảng con.		Máy chiếu

		- Xem trước bài 18 (kh, m).		
--	--	--------------------------------------	--	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....
.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Toán
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1 / Tổng số tiết: 2

Lớn hơn, dấu $>$, bé hơn, dấu $<$ bằng nhau, dấu $=$

Thời gian thực hiện: Thứ ba ngày 27 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ (*lớn hơn, bé hơn, bằng nhau*) và các dấu ($>$, $<$, $=$) để so sánh các số.

2. HS vận dụng được:

- Thực hành sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) để so sánh các số trong phạm vi 5.

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Phát triển các NL toán học: NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Máy chiếu, các thẻ số và các thẻ dấu.

2. Học sinh: Bộ đồ dùng Toán 1, SGK, VBT Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
5'	A. Hoạt động mở đầu	YC HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh	- HS nhận xét về số quả bóng ở tay phải và số quả bóng ở tay trái của mỗi bạn.	Máy tính, máy chiếu
5'	B. Hình thành kiến thức 1. Hoạt động 1 Nhận biết quan hệ lớn hơn, dấu $>$	GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau: Quan sát hình vẽ thứ nhất và nhận xét: “Bên trái có 4 quả bóng. Bên phải có 1 quả bóng, số bóng bên trái <i>nhiều hơn</i> số bóng bên phải”. Nghe GV giới thiệu: “4	- HS lấy thẻ dấu $>$ trong bộ đồ dùng, gài vào thanh gài $4 > 1$, đọc “4 <i>lớn hơn</i> 1”	Máy tính máy chiếu, thẻ dấu

		<p>quả bóng nhiều hơn 1 quả bóng”, ta nói: “4 <i>lớn hơn</i> 1”, viết $4 > 1$. Dấu $>$ đọc là “lớn hơn”.</p> <p>- Thực hiện tương tự, GV gắn bên trái có 5 quả bóng, bên phải có 3 quả bóng.</p> <p>HS nhận xét: “5 quả bóng nhiều hơn 3 quả bóng”, ta nói: “5 <i>lớn hơn</i> 3”, viết $5 > 3$.</p>		
	2.Nhận biết quan hệ bé hơn, dấu $<$	<p>- GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ thứ hai và nhận xét: “Bên trái có 2 quả bóng. Bên phải có 5 quả bóng, số bóng bên trái <i>ít hơn</i> số bóng bên phải. 2 quả bóng <i>ít hơn</i> 5 quả bóng”, ta nói: “2 <i>bé hơn</i> 5”, viết $2 < 5$. Dấu $<$ đọc là “bé hơn”.</p>	<p>- HS lấy thẻ dấu $<$ trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài $2 < 5$, đọc “2 <i>bé hơn</i> 5”.</p>	Bộ đồ dùng
	3.Nhận biết quan hệ bằng nhau, dấu $=$	<p>- GV hướng dẫn HS quan sát hình vẽ thứ ba và nhận xét: “Bên trái có 3 quả bóng. Bên phải có 3 quả bóng, số bóng bên trái và số bóng bên phải <i>bằng nhau</i>”.</p> <p>Ta nói: “3 <i>bằng</i> 3”, viết $3 = 3$. Dấu “=” đọc là “bằng”.</p>	<p>- HS lấy thẻ dấu $=$ trong bộ đồ dùng, gài vào bảng gài $3 = 3$, đọc “3 <i>bằng</i> 3”.</p>	
3’	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	- GV cho hs hát múa	- HS hát múa theo nhạc.	
5’	C. Thực hành, luyện tập Bài 1: MT: Phân biệt các dấu $>$, $<$, $=$	<p>- GV nêu yêu cầu bài tập</p> <p>- GV cho HS quan sát tranh</p> <p>- GV hướng dẫn HS cách làm bài tập:</p> <p>+ Khối hình lập phương bên trái là mấy ?</p> <p>+ Khối hình lập phương bên phải là mấy ?</p>	<p>HS thực hành so sánh số - HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>- HS quan sát</p> <p>- 1-2 HS trả lời.</p> <p>- HS: “ 3 khối hình lập phương bên trái nhiều</p>	Máy chiếu

		<p>+ GV yêu cầu HS nhận xét về khối hình lập phương bên trái khối hình lập phương bên phải ?</p> <p>- 3 như thế nào so với 1”</p> <p>GV đọc “ $3 > 1$”</p> <p>* Tương tự với tranh thứ 2, 3, 4</p>	<p>hơn 1 khối hình lập phương bên phải”.</p> <p>- HS: “ 3 lớn hơn 1 “</p> <p>- 3 HS đọc “ $3 > 1$”</p> <p>- HS thực hiện được kết quả: “ $2 < 5, 4 = 4, 4 > 3$”</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>Làm bài.</p>	
	D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm	<p>- Bài hôm nay, em biết thêm được điều gì?</p> <p>- Yêu cầu hs về nhà tìm một vài ví dụ về so sánh lớn hơn, bé hơn, bằng nhau để hôm sau chia sẻ với bạn.</p> <p>- Dặn dò hs chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- 1-2 HS nêu</p> <p>- Thực hiện</p>	Máy chiếu

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Tiếng Việt - Phân môn: Tập viết
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1 / Tổng số tiết: 1

Tên bài học: Bài 16, 17: gh, gi, k

Thời gian thực hiện: Thứ ba ngày 27 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Tô đúng, viết đúng các chữ gh, gi, k, ghé gổ, giá đỗ, kì đà chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét; viết đúng dấu sắc, dấu huyền, đặt dấu đúng vị trí; đưa bút theo quy trình viết; dẫn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập một.

2. HS vận dụng được:

- Tô, viết đúng các chữ số: 6, 7.

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

Bài học rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mỹ khi viết chữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Máy chiếu, các chữ mẫu gh, gi, k ; chữ số 6,7

2. Học sinh: Vở *Luyện viết 1*, tập một, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
5'	A. Hoạt động mở đầu <i>MT: Kiểm tra chữ viết bài 12, 13</i>	- YCHS viết tiếng <i>cỏ, cổ</i> - Nhận xét tiết Tập viết hôm trước	- HS viết bảng con - Lắng nghe	Máy tính, máy chiếu
		-GV gọi học đọc các chữ đã học ở bài 16, 17 – NX	- 2HS đọc	
	B. Hoạt động hình thành kiến thức			
1'	1. Giới thiệu bài <i>MT: HS nắm được tên và yêu cầu của bài</i>	- Hướng dẫn HS nhận mặt các chữ, các tiếng và nêu YC của bài học: tập tô, tập viết các chữ, các tiếng vừa học ở bài 16 và bài 17: gh, ghé gổ, gi, giá đỗ, k, kì đà.	- Lắng nghe	Máy tính máy chiếu

10'	<p>2. Hướng dẫn viết bảng con MT: HS tô, viết đúng, đẹp các chữ <i>gh, gi, k, ghé gõ, giá đỗ, kì đà</i> – chữ thường cỡ vừa và chữ số 6, 7</p> <p>a) Các chữ: <i>gh, ghé gõ</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc các chữ, tiếng: <i>gh, ghé gõ, gi, giá đỗ, k, kì đà</i>. - Gọi 1 HS đọc: <i>gh, ghé gõ</i>; nói cách viết, độ cao các con chữ. - GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn: <ul style="list-style-type: none"> + Chữ <i>gh</i>: là chữ ghép từ 2 chữ <i>g, h</i>. Viết chữ <i>g</i> trước, chữ <i>h</i> sau. + Tiếng <i>ghé</i>: viết <i>gh</i> (gờ <i>kép</i>) trước, <i>ê</i> sau, dấu sắc đặt trên <i>ê</i>. + Tiếng <i>gõ</i>: viết <i>g</i> trước, <i>ô</i> sau, dấu ngã đặt trên <i>ô</i>. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp nhìn đọc - Lớp quan sát và lắng nghe - Quan sát và lắng nghe 	Máy chiếu Bảng con
	<p>b) Các chữ: <i>gi, k, giá đỗ, kì đà</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn: <ul style="list-style-type: none"> + Chữ <i>gi</i>, ghép từ 2 chữ <i>g</i> và <i>i</i>. Viết <i>g</i> trước, <i>i</i> sau (1 nét hất, 1 nét móc ngược, 1 nét chấm). + Tiếng <i>giá</i>: viết <i>gi</i> trước, <i>a</i> sau, dấu sắc ở trên <i>a</i>. / Tiếng <i>đỗ</i>: viết <i>đ</i> trước, <i>ô</i> sau, dấu ngã ở trên <i>ô</i>. + Chữ <i>k</i>: cao 5 li, rộng 2,5 li. Gồm 1 nét khuyết xuôi, 1 nét cong trên, 1 nét thắt và 1 nét móc ngược. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 2, viết nét khuyết xuôi (đầu khuyết chạm ĐK 6), dừng bút ở ĐK 1. Từ điểm dừng, rê bút lên gần ĐK 2 viết tiếp nét cong trên rộng 0,5 li, chỗ cong của nét chạm ĐK 3. Từ điểm kết thúc của nét cong trên ở ĐK 2, viết tiếp nét thắt và nét 		

		<p>móc ngược, dùng bút ở ĐK 2.</p> <p>+ Tiếng <i>kì</i>: viết <i>k</i> trước, <i>i</i> sau, dấu huyền ở trên <i>i</i>. / Tiếng <i>đà</i>: viết <i>đ</i> trước, <i>a</i> sau, dấu huyền trên <i>a</i>.</p>		
	c) Chữ số 6, 7	<p>- GV viết mẫu và hướng dẫn: + Số 6: cao 4 li. Là kết hợp của 2 nét cơ bản: cong trái và cong kín. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 4, viết nét cong trái (từ phải sang trái), đến ĐK 2 thì viết tiếp nét cong kín. Khi chạm vào nét cong thì dừng. + Số 7: cao 4 li; gồm 3 nét: thẳng ngang, thẳng xiên, thẳng ngang (ngắn) cắt giữa nét thẳng xiên. Cách viết: Nét 1: Đặt bút trên ĐK 5 viết nét thẳng ngang (trùng ĐK 5) bằng một nửa chiều cao. Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, chuyển hướng bút viết nét thẳng xiên (từ trên xuống dưới, từ phải sang trái) đến ĐK 1. Nét 3: Từ điểm dừng của nét 2, lia bút lên khoảng giữa, viết nét thẳng ngang ngắn trên ĐK 3 (cắt ngang nét 2).</p>	- HS đọc	
		<p>- YCHS viết bảng con - GV chữa và NX 2- 3 bài</p>	<p>- Cả lớp viết bảng con - Lắng nghe</p>	
1'	Nghỉ giải lao	<p>- GV cho HS hát múa Năng sớm</p>	<p>- HS hát và múa</p>	
16'	3. Luyện viết vở <i>MT: HS tô đúng, đẹp các chữ, tiếng, biết trình bày vở</i>	<p>- Gọi HS nêu nội dung bài viết - GV cho HS quan sát bài mẫu - Lưu ý khoảng cách giữa 2 tiếng Cách nhau một con chữ o</p>	<p>- 1HS nêu - Quan sát - Lắng nghe - HS viết vở - Lắng nghe</p>	Máy tính máy chiếu

		<ul style="list-style-type: none"> - YCHS viết, GV uốn nắn chỉnh tư thế ngồi - Nhận xét 2-3 bài viết của HS 		
1'	D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm MT: <i>HS nắm được nội dung tiết học, biết chuẩn bị bài sau</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hôm nay con viết chữ gì? - Nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. - Dẫn dò HS xem trước bài 18, 19: kh, m, n, nh. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu - Lắng nghe 	Máy chiếu

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Tiếng Việt - Phân môn: Học vần
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1+2 / Tổng số tiết: 2

Tên bài học: Bài 18: kh - m

Thời gian thực hiện: Thứ tư ngày 28 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Nhận biết âm và chữ cái **kh, m**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **kh, m**.
- Nhìn chữ, tìm đúng tiếng có âm **kh**, âm **m**.

2. HS vận dụng được:

- Đọc đúng bài Tập đọc *Đo bẻ*.
- Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: **kh, m, khế, me**.

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc nhóm.
- Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng các chữ, trình bày bài tập viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: máy projector, máy tính, SGK, hộp Tiếng Việt, tranh, chữ mẫu.
2. Học sinh: SGK, hộp Tiếng Việt, bảng con, vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
	Tiết 1			
5'	A. Hoạt động mở đầu MT: Kiểm tra bài đã học	- GV gọi HS đọc bài Tập đọc: <i>Bé kể</i> - Yêu cầu HS nhắc lại quy tắc chính tả: k (ca) + e, ê, i / c (cờ) + a, o, ô, ơ, ... -Viết bảng con: giá đỗ, kì đà - Nhận xét	- 2,3 HS đọc cá nhân -1 HS nhắc lại quy tắc chính tả: k (ca) + e, ê, i / c (cờ) + a, o, ô, ơ, ... - Cả lớp viết bảng con: giá đỗ, kì đà	Máy tính Máy chiếu
5'	B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. Giới thiệu bài:	- GV chỉ tên bài: kh, m , giới thiệu bài: âm và chữ kh, m . -GV giới thiệu chữ M in hoa	- HS đọc cá nhân + đồng thanh : kh, m .	Máy chiếu
	2. Chia sẻ và khám phá. (BT 1: Làm quen) MT: HS nắm được cấu tạo và đọc được kh, m	- GV chỉ hình quả khế (hoặc vật thật), hỏi: Đây là quả gì? GV: Khế có loại ngọt, có loại chua, thường được dùng để làm mứt hoặc nấu	-(Quả khế).	Máy chiếu

	2.1. Âm kh và chữ kh	canh. -GV đưa ra tiếng khế .	-HS phân tích tiếng khế : <i>âm khờ, âm ê, dấu sắc = khế</i> . -Đánh vần và đọc trơn: <i>khờ - ê - khê - sắc - khế / khế</i> .	
	2.2. Âm m và chữ m :	-Làm tương tự với âm m và tiếng me (loại quả thường được dùng để nấu canh hoặc làm mứt). * Chốt: Các em vừa học 2 chữ mới là kh, m ; 2 tiếng mới là khế, me . - Cho HS ghép cài chữ kh, m mới học -Nhận xét 2, 3 bảng	-HS Đánh vần và đọc trơn: mờ - e - me / me . -HS gắn lên bảng cài chữ: kh, m .	Bộ đồ dung
	3. Luyện tập MT: Mở rộng vốn từ cho HS. 3.1. BT 2: Tiếng nào có âm kh ? Tiếng nào có âm m ?	- GV nêu yêu cầu BT2 - GV chỉ các hình, gọi HS nêu từng chữ dưới hình: <i>mẹ, mỏ, khe đá,...</i> - GV giải nghĩa từ: <i>khe đá</i> (.....). -GV chỉ từng chữ, cả lớp nói: Tiếng mẹ có âm m , tiếng khe có âm kh , tiếng kho có âm kh ,... - Yêu cầu HS nói tiếng ngoài bài có âm kh , có âm m	-HS đọc cá nhân+ĐT: <i>mẹ, mỏ, khe đá,...</i> - Cả lớp làm bài trong VBT - Báo cáo kết quả: -HS 1: tiếng có âm kh (<i>khe, kho, khi</i>). - HS 2 : tiếng có âm m (<i>mẹ, mỏ, mè</i>).	
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	- GV bật nhạc bài hát: em tập lái ô tô	- HS hát múa theo nhạc.	
	4. Tập đọc (BT 4) MT: Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc: Đố bé	- GV giới thiệu bài tập đọc : Đố bé -Đưa hình minh họa bài đọc, gt: 3 bức tranh tả cảnh trong gia đình Bi: Bi vừa đi học về, mẹ ở trong bếp đang nấu ăn, ra 1 câu hỏi đố Bi. Bố đang bế em bé cũng ra 1 câu hỏi đố Bi. Các em hãy nghe bài đọc để biết bố mẹ đố Bi điều gì; Bi trả lời các	-HS đọc cá nhân+ĐT: -HS lắng nghe	Máy chiếu

		câu đố thế nào. - GV đọc mẫu bài tập đọc: Đố bé		
	Tiết 2			
	-Luyện đọc từ ngữ.	GV gạch chân: đố Bi, mẹ có gì, cá kho khế, có bé Li.	- Luyện đọc các từ ngữ: đố Bi, mẹ có gì, cá kho khế, có bé Li.	Máy chiếu
	-Luyện đọc câu.	-GV: Bài có 3 tranh và lời dưới 3 tranh . -GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu <i>Bi đó à? Dạ.</i>) cho cả lớp đọc thầm, rồi đọc thành tiếng. -Yêu cầu HS đọc thành tiếng	- Cả lớp đọc thầm từng câu - HS đọc thành tiếng các câu (cá nhân+ĐT)	
	- Thi đọc nối tiếp đoạn, bài.	- Gv chia bài thành 2 đoạn (mỗi đoạn là lời dưới 2 tranh); - Thi đọc cả bài. - Đọc theo lời nhân vật - GV chỉ lời của mẹ Bi, Bi, bố Bi. - GV mời 3 HS giỏi đọc theo vai. GV khen HS nào đọc to, rõ, đúng lời nhân vật. - GV nhận xét	-HS luyện đoạn theo nhóm đôi. - 2,3 nhóm lên thi đọc đoạn. - 2, 3 nhóm lên thi đọc cả bài - 3 HS đọc phân vai. - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh cả bài.	
	Tìm hiểu bài đọc	- Qua bài đọc, em hiểu điều gì? * Cả lớp nhìn SGK, đọc lại bài 18.	-(Gia đình Bi sống rất vui vẻ, hạnh phúc. Mọi người trong gia đình Bi rất vui tính. Quan hệ giữa bố mẹ và Bi rất thân ái). - HS đọc cá nhân+ĐT	
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	- GV bật nhạc bài hát: em tập lái ô tô	- HS hát múa theo nhạc.	
	5. Tập viết (bảng con - BT 4) MT: HS viết đúng chữ kh, khế; m, me	- Đưa chữ mẫu: kh, khế; m, me -GV vừa viết chữ mẫu vừa hướng dẫn quy trình	- HS đọc cá nhân+ĐT: kh, khế; m, me	Máy chiếu Bảng con

		<p>+Chữ kh: là chữ ghép từ hai chữ k và h (đều cao 5 li). Viết k trước, h sau.</p> <p>+Tiếng khế: viết kh trước, ê sau; dấu sắc trên ê, không chạm dấu mũ.</p> <p>+Chữ m: cao 2 li; gồm 2 nét móc xuôi liền nhau và 1 nét móc 2 đầu.</p> <p>+Tiếng me: viết m trước, e sau; chú ý nối nét giữa m và e.</p> <p>- Nhận xét 2, 3 bảng</p>	<p>- HS viết bảng con: kh, khế</p> <p>-HSviết bảng con: m, me</p>	
	D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm	<p>- GV nhận xét tiết học.</p> <p>- Dặn về nhà đọc lại bài Tập đọc: Đố bé. Luyện viết chữ: kh, khế; m, me trên bảng con.</p> <p>- Xem trước bài 19 (n, nh).</p>		Máy tính

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Toán
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1 / Tổng số tiết: 1

Lớn hơn, dấu $>$, bé hơn, dấu $<$ bằng nhau, dấu $=$ (tiết 2)

Thời gian thực hiện: Thứ tư ngày 28 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ (lớn hơn, bé hơn, bằng nhau) và các dấu ($>$, $<$, $=$) để so sánh các số.

2. HS vận dụng được:

- Thực hành sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) để so sánh các số trong phạm vi 5.

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Máy chiếu, các thẻ số và các thẻ dấu.

2. Học sinh: Bộ đồ dùng Toán 1, SGK, VBT Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
5'	A. Hoạt động mở đầu	YC HS xem tranh, chia sẻ theo cặp đôi những gì các em quan sát được từ bức tranh	- HS nhận xét về số quả bóng ở tay phải và số quả bóng ở tay trái của mỗi bạn.	Máy tính, máy chiếu
5'	Bài 2 MT: Phân biệt nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau	- Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, lập tương ứng mỗi chiếc xẻng với một chiếc xô. - Nhận xét: "Mỗi chiếc xẻng tương ứng với một chiếc xô, thừa ra một chiếc xô. Vậy số xẻng ít hơn số xô". Ta có: "2 bé hơn 3", viết $2 < 3$.	- HS quan sát HS thực hiện tương tự với các hình vẽ tiếp theo rồi viết kết quả vào vở: $3 > 2$; $2 = 2$. Đôi vở cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.	Máy tính, máy chiếu

		- Khuyến khích HS diễn đạt bằng ngôn ngữ của các em sử dụng các từ ngữ: <i>nhiều hơn, ít hơn, lớn hơn, bé hơn, bằng nhau.</i>		
	Bài 3 MT: Viết được dấu >, <, = vào bảng con	- HD HS tập viết các dấu (>, <, =) vào bảng con. Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu (>, <, =) và viết kết quả vào vở. Đôi vở cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.		Bảng con
	Bài 4: MT: củng cố các dấu >, <, =	Đọc yêu cầu: Vật nào ghi số lớn hơn trong mỗi hình sau -Yêu HS quan sát tranh và nói bạn nghe bức tranh vẽ gì? Nhận xét, tuyên dương. -Yêu cầu HS tìm các ví dụ xung quanh lớp, trong gia đình về so sánh số lượng rồi chia sẻ với bạn trong nhóm.(so sánh số bạn trai và số bạn gái, so sánh quạt với đèn, cái bàn với cái ghế,)	Thực hiện nhóm đôi Trình bày trước lớp Thực hiện trong nhóm. Chia sẻ cùng cả lớp Biết so sánh nhiều hơn, ít hơn, lớn hơn bé hơn.	
5'	D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm	Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Từ ngữ toán học nào em cần chú ý? Kí hiệu toán học nào em cần nắm chắc? Để không nhầm lẫn khi sử dụng các kí hiệu đó em nhắn bạn điều gì?	- 1-2 HS nêu. - 1-2 HS nêu. - Thực hiện	Máy chiếu

		Dặn dò chuẩn bị bài sau: Luyện tập.		
--	--	--	--	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....
.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn TNXH
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1 / Tổng số tiết: 1

Tên bài học: An toàn khi ở nhà (tiết 1)

Thời gian thực hiện: Thứ tư ngày 28 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Xác định được một số nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.
- Lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị thương.

2. HS vận dụng được:

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân có thể gây đứt tay, chân; bỏng, điện giật.
- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân, cách xử lý trong một số tình huống có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Năng lực hợp tác với bạn qua hình thức làm việc cá nhân, nhóm.
- Năng lực xử lý tình huống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên:

- Các hình trong SGK.
- PPT bài giảng.
- VBT Tự nhiên và Xã hội 1.
- Video/nhạc bài hát: Baby shark

2. Học sinh: SGK Tự nhiên và Xã hội 1, VBT Tự nhiên và Xã hội 1, bút chì.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
5'	A. Hoạt động mở đầu	<i>Hoạt động chung cả lớp:</i> (Sử dụng kỹ thuật động não) - Mời lần lượt mỗi HS sẽ nói tên một đồ dùng trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể gây nguy hiểm cho bản thân hoặc người khác. - GV ghi nhanh tất cả ý kiến của HS lên bảng và gạch chân đồ dùng có thể dẫn đến bị thương, nguy hiểm.	-Lần lượt mỗi HS sẽ nói tên một đồ dùng trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể gây nguy hiểm cho bản thân hoặc người khác.	Máy tính, máy chiếu

		<p>- GV dẫn dắt vào bài học : Một số đồ dùng trong gia đình như các em đã liệt kê khi sử dụng không cẩn thận, không đúng cách có thể gây đứt tay, chân ; bỏng và điện giật. Bài học hôm nay chúng mình sẽ cùng tìm hiểu thêm về điều đó để đảm bảo an toàn khi ở nhà.</p> <p>- Ghi tên bài lên bảng: An toàn khi ở nhà (tiết 1)</p>		
10'	<p>B. Hoạt động hình thành kiến thức</p> <p>1. Một số nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà</p> <p>Hoạt động 1: Tìm hiểu nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà</p> <p>* Mục tiêu</p> <p>- Xác định được một số nguyên nhân có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.</p> <p>- Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân, cách xử lí trong một số tình huống có thể dẫn đến bị thương khi ở nhà.</p>	<p><i>Bước 1: Làm việc theo nhóm 4</i></p> <p>-Y/c quan sát các hình ở trang 20 – 22 (SGK) để trả lời các câu hỏi :</p> <p>+ Mọi người trong mỗi hình đang làm gì ?</p> <p>+ Việc làm nào có thể gây đứt tay, chân; bỏng, điện giật ?</p> <p>+ Nếu là bạn Hà, bạn An, em sẽ nói gì và làm gì ?</p> <p>Lưu ý : Tùy trình độ HS , GV có thể cho mỗi nhóm thảo luận cả 5 tình huống hoặc 3 hoặc 2 tình huống nhưng cả lớp vẫn thảo luận đủ cả 5 tình huống</p> <p><i>Bước 2 : Làm việc cả lớp</i></p> <p>-Mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.</p>	<p>- 1 -2 HS nhắc lại tên bài, cả lớp ĐT.</p> <p>- HS làm việc theo nhóm 4.</p> <p>- Quan sát tranh và thảo luận để trả lời các câu hỏi.</p> <p>- Các nhóm cử đại diện lên trình bày: +Hình 1 trang 20: Mẹ và anh trai Hà đang xem ti vi và rất phấn khích với chương trình; bố vừa gọt táo vừa xem chương trình; Hà nhìn bố rất lo lắng, sợ bố sẽ bị đứt tay vì không tập trung gọt táo, Hà có thể nói: “</p>	Máy chiếu

		<p>Bồ ới , dao sắc đấy, cẩn thận kéo đứt tay bồ ới".</p> <p>+Hình 3 trang 21: Anh của Hà chơi máy bay gần ổ điện và tay đang cầm dây điện có thể bị điện giật; mẹ của Hà đang là quần, vì nhìn anh của Hà nên có thể làm cháy quần hoặc bị bỏng tay. Hà có thể nói: “ Anh không được chơi gần ổ điện và cầm dây điện như thế rất nguy hiểm. Mẹ nên cắm dây bàn là vào ổ điện bên trong góc tường và cẩn tập trung khi là quần áo”...</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- HS làm bài 1 (VBT).</p>		
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	- GV bật nhạc bài Baby shark	- HS nhảy múa theo nhạc.	
12'	<p>2. Hoạt động 2: Xử lý tình huống khi bản thân và người khác bị thương * Mục tiêu - Lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà bị thương. - Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về</p>	<p><i>Bước 1 : Làm việc theo cặp</i> - Đọc y/c và hướng dẫn HS làm bài 2 (VBT). -Y/c thảo luận theo cặp các câu hỏi sau: + Bạn hoặc người thân trong gia đình đã từng bị thương (đứt tay, chân; bỏng, điện giật) chưa ? (mỗi câu hỏi chỉ hỏi một ý). + Theo bạn, tại sao lại xảy ra như vậy ? <i>Bước 2 : Làm việc nhóm 6</i></p>	<p>- Làm việc theo cặp. - Làm bài 2 trong VBT. - Một HS đặt câu hỏi, HS kia trả lời.</p>	Máy chiếu

	<p>nguyên nhân có thể gây đứt tay, chân; bỏng, điện giật.</p>	<p>- Thảo luận cả nhóm để đưa ra cách xử lý khi em hoặc người nhà bị thương (đứt tay, chân; bỏng, điện giật). (Khuyến khích mỗi HS trong nhóm đưa ra một cách xử lý và nhóm sẽ lựa chọn cách xử lý của nhóm). <i>Bước 3 : Làm việc cả lớp</i> - Mời đại diện các nhóm lên trình bày cách xử lý của nhóm mình. - GV nhận xét, hoàn thiện cách xử lý của từng nhóm. Chốt: Hướng HS đến lời bạn ông: “Nếu bạn hoặc người khác bị thương, hãy báo ngay cho người lớn hoặc gọi điện thoại tới số 115 khi thật cần thiết ”.</p>	<p>- Thảo luận theo nhóm 6 để đưa ra cách xử lý.</p> <p>- Đại diện của một số nhóm lên trình bày. HS nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe. - Lắng nghe và nhắc lại.</p>	
5'	<p>D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm</p>	<p>- Củng cố: +Hôm nay các con học bài gì? + Khi con hoặc người thân chẳng may bị thương, con cần làm gì? - Dặn dò chuẩn bị bài sau: Bài An toàn khi ở nhà (tiết 2)</p>	<p>- HS TL các câu hỏi. - Lắng nghe</p>	<p>Máy chiếu</p>

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn HĐTN
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1 / Tổng số tiết: 1

Tên bài học: An toàn khi vui chơi

Thời gian thực hiện: Thứ tư ngày 28 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Nêu được những việc nên làm và không nên làm khi vui chơi
- Thể hiện cảm xúc và cách ứng xử phù hợp trong một số tình huống, hoàn cảnh quen thuộc để đảm bảo an toàn cho bản thân và những người xung quanh khi tham gia vui chơi

2. HS vận dụng được:

- Có kỹ năng tự điều chỉnh hành vi và tự bảo vệ bản thân, thể hiện cách ứng xử phù hợp khi tham gia vui chơi an toàn

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Năng lực hợp tác với bạn qua hình thức làm việc cá nhân, nhóm.
- Năng lực xử lý tình huống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên: Sách giáo khoa, máy tính, máy chiếu
Quả bóng nhựa, khăn bịt mắt, thẻ mặt cười, mặt mếu
2. Học sinh: sách giáo khoa, giấy màu, bút vẽ

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
1'	A. Hoạt động mở đầu MT : tạo tâm thế thoải mái cho HS	-GV ổn định tổ chức -Giới thiệu bài – Ghi bảng		Máy chiếu
10'	B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. Hoạt động 1 Cùng vui chơi MT: - HS khởi động tạo tâm thế vào hoạt động, bộc lộ cảm xúc	- GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 HS - Mỗi nhóm HS tự chọn một trò chơi để cùng nhau tham gia: trò chơi chuyền bóng, trò chơi bịt mắt bắt dê, trò chơi thả đĩa ba ba	-Các nhóm chọn 1 trò chơi	Máy chiếu

	<p>và hành vi khi tham gia các trò chơi.</p> <p>- HS liên hệ về kể tên những hoạt động vui chơi khi ở trường</p>	<p>- HS tham gia trò chơi và chia sẻ cảm xúc của bản thân sau khi tham gia trò chơi:</p> <p>(1) <i>Thảo luận cặp đôi:</i></p> <p>- HS tạo thành các cặp đôi</p> <p>- Các cặp HS chia sẻ theo các câu hỏi gợi ý:</p> <p>+ Bạn vừa tham gia trò chơi nào?</p> <p>+ Khi tham gia trò chơi, bạn cảm thấy như thế nào?</p> <p>+ Theo bạn, nên làm gì và không nên làm gì để đảm bảo an toàn khi tham gia trò chơi đó?</p> <p>(2) <i>Làm việc cả lớp:</i></p> <p>- 2 đến 3 HS lên chia sẻ trước lớp</p> <p>- GV nhận xét chung và đặt câu hỏi:</p> <p>+ Ngoài những trò chơi vừa được tham gia, các em còn tham gia các trò chơi nào khác?</p> <p>+ Những trò chơi nào chúng ta nên chơi ở trường? Vì sao?</p> <p>*Chốt</p> <p>Có rất nhiều trò chơi khác nhau, vui chơi giúp chúng ta giải tỏa căng thẳng, mệt mỏi. Tùy từng thời gian và địa điểm mà em nên chọn những trò chơi phù hợp để đảm bảo an toàn</p>	<p>-Các nhóm tham gia chơi</p> <p>-Trả lời câu hỏi</p> <p>-HS chia sẻ trước lớp</p> <p>-Hs lắng nghe và trả lời</p> <p>-Hs lắng nghe</p>	
10'	<p>2. Hoạt động 2:</p> <p><i>Quan sát tranh và chọn ☺ hoặc ☹</i></p>	<p>- HS quan sát các hình từ 1- 4 trong SGK trang 13 và thảo luận cặp đôi:</p>	<p>-Hs quan sát tranh và thảo luận trả lời câu hỏi</p>	<p>Máy tính, máy chiếu</p>

	<p>MT : Hs nêu được những việc nên làm và không nên làm để đảm bảo an toàn khi vui chơi ở trường</p>	<p>+ Các bạn trong mỗi tranh đang tham gia trò chơi gì? + Em có đồng tình với các bạn trong tranh không? Vì sao? Chọn mặt cười dưới trò chơi em đồng tình và chọn mặt méu dưới trò chơi em không đồng tình + Chúng ta nên làm gì và không nên làm gì để đảm bảo an toàn khi vui chơi? - Một số cặp HS lên trước lớp, chỉ tranh và bày tỏ thái độ của mình với việc làm của các bạn trong tranh. GV có thể đặt câu hỏi để HS liên hệ thêm về bản thân: Em đã từng tham gia trò chơi giống bạn chưa? Nếu em có mặt ở đó, em sẽ nói với các bạn điều gì? * Chốt : Khi ở trường hoặc những nơi công cộng, đông người, em không nên chơi những trò chơi đuổi bắt. Khi tham gia trò chơi, em nên lưu ý: chọn chỗ chơi an toàn, không chơi vỉa hè, lòng đường; tránh chạy nhảy quá nhanh có thể gây ngã, bị thương; không nên chơi dưới trời nắng to hoặc trời mưa vì có thể bị ốm</p>	<p>- Hs bày tỏ ý kiến</p> <p>- Lắng nghe</p>	
10'	<p>3. Hoạt động 3: Thực hành cam kết “ Vui chơi an toàn” MT: HS liên hệ bản thân, thực hành làm cam kết lựa chọn và</p>	<p>(1) Cá nhân chọn bông hoa vui chơi an toàn: - HS quan sát và lựa chọn những bông hoa vui chơi an toàn mà bản thân sẽ thực hiện sau bài học</p>	<p>- HS quan sát và lựa chọn</p>	<p>Máy chiếu</p>

	tham gia những trò chơi an toàn	<p>(2) Cả lớp cùng làm bảng “Cam kết vui chơi an toàn”</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu bảng “Cam kết vui chơi an toàn” được làm bằng tờ giấy A0 (hoặc mặt sau của tờ lịch cũ) - Từng HS dán những bông hoa đã chọn về những việc sẽ làm để vui chơi an toàn lên bảng cam kết <p>(3) Trưng bày và giới thiệu về bảng “Cam kết vui chơi an toàn”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số HS lên thuyết trình về bông hoa vui chơi an toàn của mình - GV trưng bày bảng “Cam kết vui chơi an toàn” ở cuối lớp hoặc treo ở tường hoặc bên ngoài hành lang của lớp học 		
5’	D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố: + Hôm nay chúng ta học bài gì? + Để vui chơi an toàn chúng ta cần làm gì? + Nhận xét tiết học. - Dặn dò chuẩn bị bài sau: <i>Tiết sinh hoạt lớp chúng ta sẽ cùng nhau chia sẻ về điều em học được từ chủ đề Trường tiểu học.</i> 		Máy chiếu

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Tiếng Việt - Phân môn: Học vần
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1 / Tổng số tiết: 1

Tên bài học: Bài 19: n - nh

Thời gian thực hiện: Thứ năm ngày 29 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Nhận biết các âm và chữ **n, nh**; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có **n, nh**.
- Nhìn chữ dưới hình, tìm đúng tiếng có âm **n**, âm **nh**.
- Đọc đúng bài Tập đọc *Nhà cô Nhã*.

2. HS vận dụng được:

- Biết viết trên bảng con các chữ và tiếng: **n, nh, nơ, nho**; chữ số **8, 9**.
- Biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc nhóm.
- Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng các chữ, trình bày bài tập viết.

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Năng lực hợp tác với bạn qua hình thức làm việc cá nhân, nhóm.
- Năng lực ngôn ngữ

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: máy projector, máy tính, SGK, hộp Tiếng Việt, tranh, chữ mẫu.
2. Học sinh: SGK, hộp Tiếng Việt, bảng con, vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
	Tiết 1			
5'	A. Hoạt động mở đầu MT: Kiểm tra bài đã học	- GV gọi HS đọc bài Tập đọc: Đố bé -Viết bảng con: kh, khế; m, me - Nhận xét	- 3, 4 HS đọc cá nhân - Cả lớp viết bảng con: kh, khế; m, me	Máy tính
5'	B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. Giới thiệu bài:	- GV chỉ tên bài: n, nh giới thiệu bài: âm và chữ n, nh -GV giới thiệu chữ N in hoa	- HS đọc cá nhân + đồng thanh : n, nh	Máy tính
	2. Chia sẻ và khám phá. (BT 1: Làm quen) MT: HS nắm được cấu tạo và đọc được n, nh 2.1. Âm n và chữ n	-GV chỉ hình cái nơ: - Hỏi đây là gì? -GV viết n, ơ = nơ . Phân tích tiếng nơ . / Đánh vần: nờ - ơ - nơ / nơ .	- (Cái nơ). Phân tích tiếng nơ +Đánh vần: nờ - ơ - nơ / nơ .	

	2.2. Âm nh và chữ nh :	<ul style="list-style-type: none"> - Làm tương tự với tiếng nhò. Đánh vần: nhờ - o - nho / nhò. * GV chỉ các âm, từ khoá vừa học, cả lớp đọc: nờ - ơ - nơ / nơ; nhờ - o - nho / nhò. - Cho HS ghép bảng cài: n, nh. - Nhận xét 2, 3 bảng 	-HS ghép bảng cài: n, nh .	
	3. Luyện tập MT: Mở rộng vốn từ cho HS. 3.1. BT 2: Tiếng nào có âm n ? Tiếng nào có âm nh ?	<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu BT2 GV giải nghĩa từ: <i>nhị</i> (loại đàn dân tộc có 2 dây). <i>Nỏ</i>: một loại vũ khí cổ dùng để bắn tên. - GV chỉ các hình, gọi HS nêu từng chữ dưới hình : na, nhà, nỏ cổ, nhị,..... -GV chỉ từng chữ, cả lớp nói: Tiếng na có âm n, tiếng nhà có âm nh, - Yêu cầu HS nói thêm tiếng ngoài bài có âm n có âm nh 	<ul style="list-style-type: none"> -HS đọc cá nhân+ĐT: na, nhà, nỏ cổ, nhị,..... - Cả lớp làm bài trong VBT - Báo cáo kết quả: 	
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	- GV bật nhạc bài hát:	- HS hát múa theo nhạc.	
	4. Tập đọc (BT 3) MT: Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc: Nhà cô Nhã	<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu bài tập đọc : Nhà cô Nhã -Đưa tranh giới thiệu: Nhà cô Nhã là Ngôi nhà nhỏ, xinh xắn nằm bên một cái hồ nhỏ. Các em cùng đọc để biết nhà cô Nhã có gì đặc biệt. - GV đọc mẫu bài tập đọc: Nhà cô Nhã Giải nghĩa từ: <i>cá mè</i> (cá nước ngọt, cùng họ với cá chép, thân dẹt, vây nhỏ, đầu to); <i>ba ba</i> (loài rùa sống ở nước ngọt, có mai, không vây). 	<ul style="list-style-type: none"> -HS đọc cá nhân+ĐT: -Cả lớp đọc thầm -HS lắng nghe 	
	Tiết 2			
	- Luyện đọc từ ngữ.	-GV gạch chân: cô Nhã, bờ hồ, nhà nho nhỏ, cá mè, ba ba, nho, khế .	- Luyện đọc các từ ngữ: cô Nhã, bờ hồ, nhà nho nhỏ, cá mè, ba ba,	

			nho, khế.	
	- Luyện đọc câu.	-GV: Bài đọc có mấy câu? - GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu <i>Bi đó à? Dạ.</i>) cho cả lớp đọc thầm, rồi đọc thành tiếng. -Yêu cầu HS đọc tiếp nối từng câu.	-(HS đếm: 4 câu). - Cả lớp đọc thầm từng câu - HS đọc nối tiếp từng câu	
	- Thi đọc đoạn, bài.	- GV(Chia bài làm 2 đoạn: mỗi đoạn 2 câu). - Thi đọc cả bài. - GV nhận xét	-HS luyện đoạn theo nhóm đôi. - 2,3 nhóm lên thi đọc đoạn. - 2, 3 nhóm lên thi đọc cả bài - 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc đồng thanh cả bài.	
	Tìm hiểu bài đọc	- GV nêu YC; chỉ từng ý a, b (2 câu chưa hoàn chỉnh) - YC HS 1 nhìn hình nói tiếp câu a (Hồ có cá mè, ba ba). -YC HS 2 nhìn hình hoàn thành câu b(Nhà có na, nho, khế). -GV: Nhà cô Nhã rất đặc biệt. Ngôi nhà nhỏ nằm bên một cái hồ nhỏ. Hồ nhỏ mà có cá mè, ba ba. Nhà nhỏ mà có na, nho, khế * Cả lớp nhìn SGK, đọc lại bài 19.	- Cả lớp đọc. -HS nhìn hình minh hoạ, nói tiếp để hoàn thành câu. -Cả lớp nhìn hình, đọc lại 2 câu văn. - HS đọc cá nhân+ĐT	
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	- GV bật nhạc bài hát: chú ếch con	- HS hát múa theo nhạc.	
	5. Tập viết (bảng con - BT 4) MT: HS viết đúng chữ n, nơ; nh, nho; số 8, 9	- Đưa chữ mẫu: n, nơ; nh, nho; số 8, 9 -GV vừa viết chữ mẫu vừa hướng dẫn quy trình +Chữ n : cao 2 li; gồm 1 nét móc xuôi, 1 nét móc 2 đầu. +Tiếng nơ : viết n trước, ơ sau; chú ý nối nét n và ơ +Chữ nh : là chữ ghép từ hai chữ n, h . Viết n trước, h sau. +Tiếng nho : viết nh trước, o sau; chú ý nối nét nh và o . +Số 8 : cao 4 li. Gồm 4 nét	- HS đọc cá nhân+ĐT: n, nơ; nh, nho; số 8, 9 - HS viết bảng con: n, nơ -HSviết bảng con: nh, nho	Máy chiếu Bảng con

		viết liền: cong trái - cong phải - cong trái - cong phải. +Số 9: cao 4 li. Gồm 2 nét: cong kín và cong phải. - Nhận xét 2, 3 bảng	-HSviết bảng con: số 8, 9	
	D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm	- GV nhận xét tiết học. - Dẫn về nhà đọc lại bài Tập đọc: Nhà cô Nhã . Luyện viết chữ: nơ, nơ; nh, nho trên bảng con. - Xem trước bài 21 (ôn tập).		Máy chiếu

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Toán
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1 / Tổng số tiết: 1

Tên bài học: Luyện tập

Thời gian thực hiện: Thứ năm ngày 29 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

Biết so sánh số lượng; biết sử dụng các từ (*lớn hơn, bé hơn, bằng nhau*) và các dấu ($>$, $<$, $=$) để so sánh các số.

2. HS vận dụng được:

Biết sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) để so sánh các số trong phạm vi 10.

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Phát triển các NL toán học: NL mô hình hoá toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. **Giáo viên:** Máy chiếu, 2 bộ thẻ số từ 1 đến 5, 1 thẻ số 8 và 2 bộ thẻ các dấu ($>$, $<$, $=$).

2. **Học sinh:** Bộ đồ dùng Toán 1, SGK, VBT Toán

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
5'	A. Hoạt động mở đầu	- Chơi trò chơi “Ghép thẻ” theo nhóm. Mỗi nhóm dùng 2 bộ thẻ các số từ 1 đến 5 và 2 bộ thẻ các dấu ($>$, $<$, $=$) để ghép thành các mệnh đề đúng. Chẳng hạn: $1 < 5$; $4 = 4$; $3 > 2$;	- Các nhóm kiểm tra chéo kết quả của nhau, nhóm nào lập được nhiều mệnh đề đúng và nhanh nhất sẽ thắng cuộc. - HS rút ra nhận xét qua trò chơi: Để so sánh đúng hai số cần lưu ý điều gì?	Máy tính
5'	B. Hoạt động thực hành, luyện tập Bài 1:	- Cho HS quan sát hình vẽ thứ nhất, so sánh số lượng khối lập phương bên trái với bên phải bằng cách lập tương ứng một khối lập	- HS quan sát - HS thực hành so sánh số lượng khối lập phương ở các hình vẽ tiếp theo và viết kết quả vào vở: $4 < 6$; $7 = 7$.	Máy tính

	MT: Biết so sánh, điền dấu $>$, $<$, $=$	phương bên trái với một khối lập phương bên phải. Nhận xét: “5 khối lập phương nhiều hơn 3 khối lập phương”, ta có: “5 lớn hơn 3”, viết $5 > 3$.	- Đói vỡ cùng kiểm tra và chia sẻ với bạn cách làm.	
	Bài 2:	- Cho HS suy nghĩ, tự so sánh hai số, sử dụng các dấu ($>$, $<$, $=$) và viết kết quả vào vở.	- HS thực hiện - Đói vỡ cùng kiểm tra, đọc kết quả và chia sẻ với bạn cách làm.	
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	GV cho học sinh hát múa	HS hát múa theo nhạc	
	Bài 3: Xếp các số theo thứ tự <i>MT: Nhận biết số lớn, số bé và sắp xếp theo thứ tự</i>	- HS lấy các thẻ số 4, 8, 5. Đói bạn chọn ra thẻ ghi số lớn nhất, số bé nhất rồi sắp xếp các thẻ số trên theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé. - Có thể thay bằng các thẻ số khác hoặc lấy ra 3 thẻ số bất kì (trong các số từ 0 đến 10) và thực hiện tương tự như trên.	- Chơi trò chơi” đố bạn”, thực hiện nhóm đôi - HS chia sẻ trước lớp	Máy chiếu
	C. Hoạt động vận dụng	- Cho HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe bức tranh vẽ gì? - GV khuyến khích HS đặt câu hỏi cho bạn về so sánh liên quan đến tình huống bức tranh.	- HS đếm và chỉ ra bạn có ít viên bi nhất, bạn có nhiều viên bi nhất.	Máy chiếu
5'	D. Củng cố - Dặn dò	- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? - Để có thể so sánh chính xác hai số, em nhắn bạn điều gì? - Dặn dò chuẩn bị bài sau:	- 1-2 HS nêu. - 1-2 HS nêu. - Thực hiện	Máy chiếu

		Em ôn lại những gì đã học		
--	--	---------------------------	--	--

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Tiếng Việt - Phân môn: Tập viết
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1 / Tổng số tiết: 1

Tên bài học: Bài 18, 19: kh, m, n, nh

Thời gian thực hiện: Thứ năm ngày 29 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Tô đúng, viết đúng các chữ **kh, m, n, nh**, các tiếng **khế, me, nơ, nho** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét; viết đúng dấu sắc, dấu huyền, đặt dấu đúng vị trí; đưa bút theo quy trình viết; dẫn đúng khoảng cách giữa các con chữ theo mẫu chữ trong vở *Luyện viết 1*, tập một.
- Tô, viết đúng các chữ số: **8, 9**.

2. HS vận dụng được:

- Tô đúng, viết đúng các chữ **kh, m, n, nh**, các tiếng **khế, me, nơ, nho** chữ thường
- Tô, viết đúng các chữ số: **8, 9**.

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

Bài học rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận, có ý thức thẩm mỹ khi viết chữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: Máy chiếu, các chữ mẫu *kh, m, n, nh*; chữ số 8, 9.
2. Học sinh: Vở *Luyện viết 1*, tập một, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
5'	A. Hoạt động mở đầu MT: Kiểm tra chữ viết bài 16, 17	- YCHS viết tiếng <i>ghê gõ, kì đà</i> - Nhận xét tiết Tập viết hôm trước -GV gọi học đọc các chữ đã học ở bài 18, 19 – NX	- HS viết bảng con - Lắng nghe - 2HS đọc	Máy chiếu, bảng con
	B. Hoạt động hình thành kiến thức			
1'	1. Giới thiệu bài MT: HS nắm được tên và yêu cầu của bài	- Hướng dẫn HS nhận mặt các chữ, các tiếng và nêu YC của bài học: tập tô, tập viết các	- Lắng nghe	Máy tính

		chữ, các tiếng vừa học ở bài 18 và bài 19: <i>kh, khế, m, me, n, nơ, nh, nho</i>		
10'	<p>2. Hướng dẫn viết bảng con</p> <p>MT: HS tô, viết đúng, đẹp các chữ <i>kh, khế, m, me, n, nơ, nh, nho</i> – chữ thường cỡ vừa và chữ số 8, 9</p> <p>a) Các chữ: <i>kh, khế, m, me</i></p>	<p>- Gọi HS đọc các chữ, tiếng: <i>kh, khế, m, me, n, nơ, nh, nho</i></p> <p>- Gọi 1 HS đọc các chữ, tiếng: <i>kh, khế, m, me</i></p> <p>- GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:</p> <p>+ Chữ <i>kh</i>: viết <i>k</i> trước, <i>h</i> sau.</p> <p>+ Tiếng <i>khế</i>: chú ý dấu sắc đặt trên đầu chữ ê; nối nét giữa <i>kh</i> và ê.</p> <p>+ Chữ <i>m</i> cao 2 li; gồm 2 nét móc xuôi liền nhau và 1 nét móc 2 đầu. Cách viết: Đặt bút giữa ĐK 2 và ĐK 3, viết nét móc xuôi (chạm ĐK 3), dừng bút ở ĐK 1. Từ điểm dừng của nét 1, rê bút lên gần ĐK 2, viết nét móc xuôi thứ hai có độ rộng hơn nét 1, dừng bút ở ĐK 1. Từ điểm dừng của nét 2, rê bút lên gần ĐK 2 để viết tiếp nét móc hai đầu (độ rộng bằng nét 2), dừng bút ở ĐK 2.</p> <p>+ Tiếng <i>me</i>: viết <i>m</i> trước, <i>e</i> sau; chú ý nối nét giữa <i>m</i> và <i>e</i>.</p>	<p>- Cả lớp nhìn đọc</p> <p>- Lớp quan sát và lắng nghe</p> <p>- Quan sát và lắng nghe</p>	Máy tính Máy chiếu Bảng con
	b) Các chữ: <i>n, nơ, nh, nho</i>	<p>- GV hướng dẫn như mục a</p> <p>GV viết mẫu, hướng dẫn:</p> <p>+ Chữ <i>n</i>: cao 2 li; gồm 1 nét móc xuôi, 1 nét móc 2 đầu. Chú ý: Nét 1 của chữ <i>n</i> viết như giống nét 1 của chữ <i>m</i>, nét 2 của chữ <i>n</i> viết như nét 3 của chữ <i>m</i>.</p>	- Lớp quan sát và lắng nghe	

		<ul style="list-style-type: none"> + Tiếng <i>nơ</i>: chú ý nối nét <i>n</i> và <i>ơ</i>. + Chữ <i>nh</i>: viết <i>n</i> trước, <i>h</i> sau. + Tiếng <i>nho</i>: chú ý nối nét <i>nh</i> và <i>o</i>. 		
	c) Chữ số 6, 7	<ul style="list-style-type: none"> - GV viết mẫu và hướng dẫn: <ul style="list-style-type: none"> - Số 8: cao 4 li; gồm 4 nét nối liền nhau (cong trái - cong phải - cong trái - cong phải). Cách viết: Đặt bút dưới ĐK 5 một chút, viết nét cong trái, đến gần ĐK 3 thì chuyển hướng viết nét cong phải. Đến ĐK 1 lại lượn lên viết nét cong trái rồi cong phải cho đến khi chạm vào điểm xuất phát tạo thành 2 vòng khép kín tiếp giáp nhau (trên nhỏ, dưới to). - Số 9: cao 4 li; gồm 2 nét: cong kín, cong phải. Cách viết: Nét 1: Đặt bút dưới ĐK 5 một chút, viết nét cong kín (từ phải sang trái); khi chạm vào điểm xuất phát thì dừng. Nét 2: Từ điểm dừng bút của nét 1, rê bút trở xuống viết nét cong phải, đến ĐK 2 thì dừng. 	- Lốp quan sát và lắng nghe	
		<ul style="list-style-type: none"> - YCHS viết bảng con - GV chữa và NX 2- 3 bài 	<ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp viết bảng con - Lắng nghe 	
1'	Nghỉ giải lao	- GV cho HS hát múa Năng sớm	- HS hát và múa	
16'	C. Hoạt động luyện tập, thực hành 3. Luyện viết vở <i>MT: HS tô đúng, đẹp các chữ, tiếng, biết trình bày vở</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS nêu nội dung bài viết - GV cho HS quan sát bài mẫu - Lưu ý trình bày vở - YCHS viết, GV uốn nắn chỉnh tư thế ngồi - Nhận xét 2-3 bài viết của HS 	<ul style="list-style-type: none"> - 1HS nêu - Quan sát - Lắng nghe - HS viết vở - Lắng nghe 	Máy tính

2'	D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm MT: <i>HS nắm được nội dung tiết học, biết chuẩn bị bài sau</i>	- Hôm nay con viết chữ gì? - Nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS. - Dặn dò HS xem trước bài 22, 23: ng, ngh, p, ph.	- HS nêu - Lắng nghe	Máy tính
----	--	---	-------------------------	----------

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

		<p>vật dụng trong nhà. Vậy làm thế nào để bản thân luôn an toàn trong chính ngôi nhà của mình. Chúng ta cùng tiếp tục với bài học “An toàn khi ở nhà” (tiết 2).</p> <p>- Ghi tên bài lên bảng: An toàn khi ở nhà (tiết 2)</p>	<p>- 1 -2 HS nhắc lại tên bài, cả lớp ĐT.</p>	
7’	<p>B. Hoạt động hình thành kiến thức</p> <p>2. Những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn</p> <p>Hoạt động 1: Xác định cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà</p> <p>* Mục tiêu</p> <p>- Biết quan sát và nêu được cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà.</p>	<p><i>Bước 1 : Làm việc theo cặp + Đọc y/c và hướng dẫn HS làm bài 3 (VBT).</i></p> <p><i>Bước 2 : Làm việc cả lớp</i></p> <p>- Mời đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.</p> <p>- Lắng nghe, nhận xét, bổ sung cho HS.</p> <p>Chốt: Các con cần lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà. Đối với dao khi cầm, ta phải cầm vào cán dao, khi bê cốc nước nóng cần đặt trên đĩa để khi bê không bị bỏng tay; khi cắm phích cắm hoặc tiếp xúc với điện phải giữ tay khô...</p>	<p>- HS làm việc theo cặp.</p> <p>-Làm bài 3 trong VBT và giải thích tại sao em lại chọn như vậy với bạn trong nhóm.</p> <p>- Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp. HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời.</p> <p>- Lắng nghe.</p>	Máy tính
10’	<p>2. Hoạt động 2: Thảo luận nhóm về những lưu ý khi sử dụng một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo an toàn an toàn</p> <p>MT:</p> <p>- Nêu được những lưu ý khi sử dụng</p>	<p><i>Bước 1: Làm việc theo nhóm (chia lớp thành 6 nhóm)</i></p> <p>- Nhóm 1, 2 : Quan sát bộ tranh đồ dùng trong nhà + Chọn 2-3 đồ dùng trong nhà có thể gây đứt tay và giải thích trong trường hợp nào khi sử dụng chúng có thể bị đứt tay.</p>	<p>- Hoạt động theo nhóm, thảo luận và quan sát tranh để cùng trả lời các câu hỏi.</p>	

	<p>một số đồ dùng trong nhà để đảm bảo</p> <p>- Cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong gia đình.</p>	<p>+ Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn.</p> <p>- Nhóm 3 , 4 : Quan sát bộ tranh đồ dùng trong nhà.</p> <p>+ Chọn 2-3 đồ dùng trong nhà có thể gây bỏng và giải thích trong trường hợp nào khi sử dụng chúng có thể bị bỏng.</p> <p>+ Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn .</p> <p>- Nhóm 5, 6 : Quan sát bộ tranh đồ dùng trong nhà.</p> <p>+ Tìm 2 -3 đồ dùng trong nhà có thể gây điện giật và giải thích trong trường hợp nào khi sử dụng chúng có thể bị điện giật.</p> <p>+ Nêu một số lưu ý khi sử dụng những đồ dùng đó để đảm bảo an toàn.</p> <p><i>Bước 2 : Làm việc cả lớp</i></p> <p>- Mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả.</p> <p>- GV nhận xét và hoàn thiện các câu trả lời.</p> <p>Chốt: Qua HĐ vừa rồi, các con đã biết cách sử dụng các đồ dùng trong gia đình một cách an toàn và nêu được lưu ý khi sử dụng các đồ dùng đó.</p>		
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	- GV bật nhạc bài Tập tầm vông	- HS nhảy múa theo nhạc.	
5'	Hoạt động 3 : Tìm các đồ dùng trong gia đình có thể dẫn đến bị thương, nguy hiểm (đứt tay,	- Hướng dẫn HS làm bài 4 trong VBT. - Y/c HS về nhà quan sát các vật dụng trong gia đình rồi viết vào ô trống thích hợp.	- Lắng nghe GV hướng dẫn.	Máy tính

	chân; bồng; điện giết) * Mục tiêu Chỉ ra được những đồ dùng trong nhà mình có thể gây đứt tay, chân ; bồng; điện giết.	- Y/c HS báo cáo kết quả vào giờ học sau.		
5'	C. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm	- Củng cố: +Hôm nay các con học bài gì? + Sau bài học, con cần lưu ý gì khi sử dụng các đồ vật sắc nhọn, đồ điện, ... - Dặn dò chuẩn bị bài sau: Bài Ôn tập và đánh giá chủ đề Gia đình (tiết 1)	- HS TL các câu hỏi. - Lắng nghe	Máy tính

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Tiếng Việt - Phân môn: Kể chuyện
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1 / Tổng số tiết: 1

Tên bài học: Đôi bạn

Thời gian thực hiện: Thứ sáu ngày 30 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Nghe hiểu ý nghĩa và nhớ câu chuyện.
- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.
- Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.

2. HS vận dụng được:

Hiểu được : Câu chuyện kể về tình bạn của sóc nâu và sóc đỏ. Hai bạn rất yêu quý nhau, luôn chia sẻ ngọt bùi cho nhau nên các bạn sống rất vui. Cuộc sống sẽ rất tốt đẹp nếu mọi người luôn quan tâm đến nhau.

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Yêu quý và biết quan tâm đến bạn bè .
- Biết hợp tác với bạn qua hình thức làm việc nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: máy projector, máy tính, SGK
2. Học sinh: Sách giáo khoa TV tập 1

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
3'	A. Hoạt động mở đầu (Hai chú gà con)	- Y/c HS kể chuyện theo tranh 1,2, 3, 4. - Y/c HS kể chuyện theo tranh 5, 6 và TLCH - Vì sao hai chú gà lại cãi nhau? - GV nhận xét	- HS kể - HSTL	Máy tính
2'	B. Hoạt động hình thức kiến thức mới 1. Giới thiệu bài	- GV nêu mục tiêu, yêu cầu tiết học - GV ghi đầu bài	- Lắng nghe - HS đọc	

5'	<p>2. Hoạt động 1: Nghe kể chuyện MT: HS biết nghe, hiểu và nhớ câu chuyện.</p>	<p>- GV kể chuyện với giọng diễn cảm: + Đoạn 1, 2: giọng kể chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ tả màu sắc của lông sóc, của ánh mặt trời sau mưa. + Đoạn 3,4,5: kể chậm (ý nghĩa của sóc nâu, lời 2 chú sóc viết uong thư). + Đoạn 6: vui vẻ. - GV kể 3 lần: + Lần 1 (kể không chỉ tranh). + Lần 2 (vừa chỉ từng tranh vừa kể chậm). + Kể lần 3 (như lần 2).</p>	- Lắng nghe	
10'	<p>3. Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi theo tranh MT: HS biết nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.</p>	<p>- Mỗi HS trả lời câu hỏi dưới 1 tranh + Tranh 1, hỏi: <i>Trong rừng có hai bạn rất thân nhau. Đó là ai?</i> + Tranh 2: <i>Vào đêm nọ, thời tiết trong rừng thế nào?</i> + Tranh 3: <i>Sáng sớm thức dậy, sóc nâu nghĩ gì, làm gì?</i> + Tranh 4: <i>Sóc nâu làm gì khi nhặt được một giỏ quả thông?</i> + Tranh 5: <i>Sóc nâu thấy gì khi trở về nhà?</i> + Tranh 6: <i>Hai bạn gặp lại nhau thế nào?</i> - HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.</p>	<p>+ Hai bạn rất thân nhau đó là sóc nâu và sóc đỏ. + Vào đêm nọ, mưa rất to, quả thông rụng nhiều. Sáng ra trời tạnh, mặt trời toả sáng muôn nơi. + Sáng sớm thức dậy, sóc nâu nghĩ: - Đêm qua mưa to, quả thông chắc rụng nhiều”. Nó liền cầm giỏ đi nhặt quả thông. Nó nhặt được đầy một giỏ quả thông. + Sóc nâu đến nhà sóc đỏ, để lại một nửa số quả thông và một mẫu giấy ghi lời nhắn: -Quả thông rất tươi ngon. Bạn một nửa, mình một nửa”. + Sóc nâu thấy</p>	Máy chiếu

		- HS trả lời tất cả các câu hỏi theo 6 tranh.	trước cửa một lẵng quả thông và một mẫu giấy của sóc đỏ viết: —Quả thông rất tươi ngon. Bạn một nửa, mình một nửa”. + Hai bạn sóc vui vẻ ôm nhau, lăn tròn giống như một cuộn len lớn. - HS kể 2 tranh - HS kể cả câu chuyện	
3’	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	- GV bật nhạc bài hát: nắng	- HS hát múa theo nhạc.	
6’	C. Hoạt động luyện tập, thực hành: 4. Hoạt động 3: Kể chuyện theo tranh (không dựa vào câu hỏi) MT: HS biết kể chuyện theo tranh	- Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện. - HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi <i>Ô cửa sổ</i> hoặc bốc thăm). - HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh. * Sau mỗi bước, cả lớp và GV bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng, bạn kể to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể. - HS kể lại câu chuyện (không cần tranh) (YC cao).	- HS kể chuyện - HS kể chuyện - HS kể chuyện - HS kể chuyện	Tranh. Máy chiếu
3’	5. Hoạt động 4: Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện MT: HS hiểu nội dung câu chuyện	- Câu chuyện muốn nói điều gì? GV: Câu chuyện kể về tình bạn của sóc nâu và sóc đỏ. Hai bạn rất yêu quý nhau, luôn chia sẻ ngọt bùi cho nhau nên các bạn sống rất vui. Cuộc sống sẽ rất tốt đẹp nếu mọi người luôn	- Hai bạn sóc rất yêu quý nhau, luôn chia sẻ những gì có được cho nhau. / Hai bạn sóc luôn vì nhau, làm việc tốt cho nhau	

		quan tâm đến nhau.		
3'	D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Củng cố: +GV nhận xét tiết học; khen những HS kể chuyện hay. - Dặn dò + Dặn HS về nhà kể lại cho người thân nghe + Chuẩn bị bài sau: Kiến và bọ câu 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe - Lắng nghe 	Máy tính

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn Tiếng Việt - Phân môn: Học vần
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1 / Tổng số tiết: 1

Tên bài học: Ôn tập

Thời gian thực hiện: Thứ sáu ngày 30 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Biết ghép các âm đã học thành tiếng theo đúng quy tắc chính tả: **c, g + a, o, ô, ơ,...** / **k + e, ê, i, ia** / **gh + e, ê, i**.
- Đọc đúng bài Tập đọc *Bi ở nhà*.

2. HS vận dụng được

- Đọc đúng bài Tập đọc.
- Tìm đúng từ ứng với mỗi hình
- Nhìn tranh và đọc được các tiếng tương ứng với tranh.

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Biết hợp tác qua hình thức làm việc cá nhân, nhóm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: máy projector, máy tính, SGK, hộp Tiếng Việt, tranh, chữ mẫu.
2. Học sinh: SGK, hộp Tiếng Việt, bảng con, vở bài tập Tiếng Việt.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của HS	
	Tiết 1			
5'	A. Hoạt động mở đầu: MT: Kiểm tra bài đã học	-GV gọi HS đọc bài: Nhà cô Nhã - Gv đọc cho HS viết bảng: nơ, nho, 8, 9 - Nhận xét	- 2.3 đọc và TLCH - Lớp viết bảng con	Máy tính
2'	B. Hoạt động hình thành kiến thức 1. Giới thiệu bài:	- Gv giới thiệu bài 21 ghi bảng : Ôn tập	-HS đọc cá nhân + đồng thanh	
10'	C. Hoạt động luyện tập, thực hành 2. Luyện tập MT: Giúp HS nhớ lại các âm đã học 2.1. BT 1 (Ghép các âm đã học thành tiếng)	- GV đưa BT1: GV chỉ từng chữ (âm đầu) ở cột dọc, cả lớp đọc: c, k, g, gh. GV chỉ từng chữ (âm chính) ở cột ngang, cả lớp đọc: a, o, ô, ơ, e, ê, i, ia. -GV chỉ chữ, cả lớp đồng	-HS đọc cá nhân +ĐT: c, k, g, gh. -HS đọc cá nhân +ĐT: a, o, ô, ơ, e, ê, i, ia. -HS đọc cá nhân + đồng thanh	Máy tính

		<p>thanh ghép (miệng) từng tiếng theo cột ngang: + ca, co, cô, cơ (không có <i>ce, cê, ci, cia</i>), + (không có <i>ka, ko, kô, cơ</i>) ke, kê, ki, kia, + ga, go, gô, gơ (không có <i>ge, gê, gi, gia</i>), + (không có <i>gha, gho, ghâ, ghor, ghia</i>) ghe, ghê, ghi.</p> <p>- GV chỉ chữ, cả lớp đồng thanh đọc lại.</p>	<p>-HS làm bài trong VBT. - HS đọc lại đồng thanh</p>	
	2.2.BT 2 (Tập đọc) MT: Đọc đúng các tiếng từ ngữ.	<p>- GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể về việc Bi đỡ em bé giúp mẹ. -GV đọc mẫu.</p>	<p>- Lắng nghe - HS đọc nhắm thắm</p>	Máy tính
	+Luyện đọc từ ngữ	<p>- Gv gạch chân các từ ngữ trong bài: có giỗ, nhờ, đỡ bé, bé nhờ, lơ mơ, nhờ nhẹ, khó ghê cơ.</p>	<p>- Luyện đọc từ ngữ</p>	
3'	<i>Nghỉ giữa giờ</i>	<p>- GV bật nhạc bài hát:</p>	<p>- HS hát múa theo nhạc.</p>	
	+ Luyện đọc câu	<p>- GV: Bài đọc có mấy câu? - GV chỉ từng câu cho cả lớp đọc thắm rồi đọc thành tiếng - Đọc tiếp nối từng câu</p>	<p>- (7 câu). - HS đọc cá nhân+ đồng thanh - HS đọc nối tiếp câu</p>	Máy tính
	+Thi đọc đoạn, bài	<p>- Yêu cầu HS luyện đọc bài : Bi ở nhà theo nhóm đôi -(Chia bài làm 2 đoạn đọc: 2 câu / 5 câu). - Thi đọc theo nhóm đôi đoạn, bài</p>	<p>- Luyện đọc nhóm đôi - Các nhóm lên thi đọc (2,3) nhóm</p>	
	Tìm hiểu bài đọc	<p>- GV nêu câu hỏi cho HS trả lời: +Nhà Bi có giỗ, mẹ đã nhờ Bi làm gì? + Con nhìn hình ảnh Bi đang làm gì? + Khi bé bé thì Bi đi như thế nào? * Yêu cầu cả lớp nhìn SGK, đọc lại cả bài 21</p>	<p>- Mẹ nhờ Bi đỡ bé Li - Bi đang bế bé - Bi đi nhờ nhẹ - HS đọc cá nhân+ đồng thanh cả bài.</p>	Máy tính

	<p>2.3.BT 3 (Em chọn chữ nào?) MT: Mở rộng vốn từ cho HS.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu YC, đưa nội dung BT3 - YC hs nhắc lại quy tắc chính tả. - GV chốt đáp án: 1) Bé kể. 2) Cò mò cá. 3) Nhà có ghé gỗ. 	<ul style="list-style-type: none"> -HS đọc cá nhân+ đồng thanh: c, k, g, gh - 1 HS nhắc lại quy tắc chính tả c / k, g / gh. -HS làm bài vào VBT - 3 HS điền chữ vào 3 thẻ trên bảng lớp. - Cả lớp đọc kết quả. HS sửa bài theo đáp án (nếu làm sai). 	
	<p>D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học. -Dặn HS về nhà đọc lại bài: Bi ở nhà - Xem trước bài 22 (ng, ngh). 		<p>Máy tính</p>

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

TRƯỜNG TIỂU HỌC GIANG BIÊN
Môn HĐTN
Tuần 4

HỌ VÀ TÊN GV: Vũ Thị Diệu Huyền
Lớp 1A1
Tiết số 1 / Tổng số tiết: 1

Chia sẻ điều em học được từ chủ đề “Trường tiểu học”

Thời gian thực hiện: Thứ sáu ngày 30 tháng 9 năm 2022

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. HS thực hiện được

- Quan sát và chia sẻ trước lớp về những hoạt động và cảm xúc của bản thân trong ngày tết trung thu
- Tự nhận xét và đánh giá bản thân về những điều đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề “Trường tiểu học”
- Tổng kết hoạt động tuần 4

2. HS vận dụng được:

- Đề ra kế hoạch thực hiện tuần 5

3. HS có cơ hội hình thành và phát triển:

- Học sinh được phát triển năng lực tự chủ và tự học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Giáo viên: SGK, máy tính, máy chiếu, tranh ảnh

2. Học sinh: Sách giáo khoa

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TG	Nội dung dạy học chủ yếu	Phương pháp, hình thức dạy - học tương ứng		Đồ dùng
		Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	
1'	A. Hoạt động mở đầu: Ổn định lớp	- GV ổn định tổ chức lớp		
10'	B. Hoạt động hình thành kiến thức mới 1. Hoạt động 1: Đánh giá các hoạt động trong tuần	GV nhận xét: * Ưu điểm: * Nhược điểm:	Lớp trưởng tự nhận xét các nếp tự quản của lớp trong tuần.	Máy chiếu

		<p>- Đi học muộn:</p> <p>- Khen các cá nhân thực hiện tốt:</p> <p>- Nhắc nhở HS thực hiện chưa tốt:</p>		
7'	2. Hoạt động 2: Chỉ ra những việc cần làm trong tuần tới	<p>Phổ biến những nội dung hoạt động mới trong tuần- ổn định tổ chức lớp.</p> <p>- Hoàn thiện nếp xếp hàng, nếp xếp hàng đi học môn năng khiếu...</p> <p>- Hoàn thiện nếp ngồi học trong lớp.</p> <p>- Chuẩn bị đầy đủ sách vở đồ dùng học tập theo thời khoá biểu khi đi học.</p> <p>- Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đi học.</p>	- HS tự nói được trong tuần tới cần làm gì để học tập tốt hơn	Máy chiếu
14'	C. Hoạt động luyện tập, thực hành 3. Hoạt động 3:	<p>- GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi, sau đó chia sẻ trước lớp về những hoạt động và cảm xúc của HS khi tham gia lễ hội tết Trung thu</p> <p>- Tổ chức cho HS tự đánh giá những điều đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề “ Trường tiểu học”. Giáo viên có thể đặt ra các câu hỏi: Em thích hoạt động nào nhất trong chủ đề này? Tại sao? Sau chủ đề này, em đã làm được điều gì? Em thích những nơi nào trong trường học? Em</p>	-Hs thảo luận nhóm và chia sẻ trước lớp	Máy chiếu

		đã làm gì để giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp? Em đã làm gì để vui chơi an toàn?		
3'	D. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm	-Dặn Hs luôn thực hiện tốt các nề nếp của trường lớp. - Dặn chuẩn bị bài sau: Tiết sinh hoạt dưới cờ tuần sau các con sẽ cùng nhau tìm hiểu phong trào <i>Tìm kiếm tài năng nhí</i> .		Máy chiếu

Điều chỉnh sau tiết dạy:

.....
